

DANH SÁCH
RÀ SOÁT CÁC HỘ DÂN SINH SỐNG TRÊN ĐỊA BÀN TỔ DÂN PHỐ
(kèm theo Công văn số /UBND -PKTHTĐT ngày tháng 6 năm 2026 của UBND phường Tân Phong)

STT	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích	Số sổ	Họ và Tên	Năm sinh	Địa chỉ TT	Chứng Minh Thư	Nội dung cần cập nhật, kiểm tra			
									Họ và tên	Số Căn Cước Công dân	Ngày, tháng, năm sinh	Ghi Chú <i>(có địa chỉ TT đánh dấu X)</i>
TỔ 1												
22	33	14	3565	BQ 185211	Vũ Thị Thảo	1957	Tổ 1, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40146422				
23	33	104	3036	CS 134138	Lê Văn Tuấn	1958	Tổ 1, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	36081012764				
24	36	29	1262	BD 587920	Nguyễn Quang Đa	1975	Tổ 1, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45073478				
25	37	62	1300	BQ 450462	Nghiêm Xuân Tiến	1956	Tổ 1, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45033057				
26	37	18	1041	BQ 276249	Dương Thị Ngân	1964	Tổ 1, Phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45137964				
27	37	148	3361	AO 836706	Nguyễn Văn Hùng	1947	Tổ 1, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45073869				
28	37	154	1098	BQ 450160	Đình Minh Tuấn	1956	Tổ 1, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu					
29	37	154	1098	BQ 450160	Phạm Thị Xuân	1959	Tổ 1, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40243160				
30	37	65	1001	BA 772647	Nguyễn Văn Hành	1961	Tổ 1, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40214051				
32	40	81	3866	AD 415937	Hoàng Thị Mến	1976	Tân Phong 1, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	145287093				
33	40	6	2323	CM 591386	Vũ Văn Hưng	1981	Tổ 1, Phường Tân Phong, Thành phố Lai Châu, Lai Châu	45251199				
34	40	206	1012	AM 204234	Nguyễn Văn Hựu	1943	Tân Phong 1, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40146421				
35	40	17	1418	BT 024425	Quách Thị Huyền	1984	Tổ 1, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	46309231				
36	40	10	1488	BQ 450190	Nguyễn Tuấn Lưu	1963	Tổ 1, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45121828				

40	46	41	1291	AN 275055	Mai Anh Đông	1978	Tân Phong 1, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40282840					
41	46	41	1291	AN 275055	Đào Thị Hoàng Yên	1979	Tân Phong 1, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu						
42	46	40	1595	AN 275084	Nguyễn Thị Chanh	1950	Tân Phong 1, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu						
61	54	76	1293	AM 204060	Nguyễn Thế Tiệp	1979	Tổ 1, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45177035					
145	68	1	1407	AO 836759	Hoàng Văn Dư	1973	Tổ 1, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu						
241	100	100	1000	AO 836967	Vũ Thị Vui	1957	Tổ 1, Phường Tân Phong, Thành phố Lai Châu, Lai Châu						
273	165	52	1054	BT 073118	Nguyễn Quyết Tiến	1985	Tổ 1, Phường Tân Phong, Thành phố Lai Châu, Lai Châu	45378885					
276	168	20	1155	BD 611493	Nguyễn Thị Huệ	1980	Tổ 1, Tân Phong 3, phường Tân Phong, thị xã Lai Châu	40250334					
291	171	130	1420	BT 073112	Hoàng Ngọc Xuyên	1964	Tổ 1, Phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, Tỉnh Lai Châu	85092213					
292	171	130	1420	BT 073112	Cao Thị Thủy	1967	Tổ 1, Phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, Tỉnh Lai Châu	135434338					
372	199	159	2262	BQ 527889	Đình Xuân Phóng	1947	Tổ 1, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40337423					
373	199	159	2262	BQ 527889	Nguyễn Thị Tiến	1957	Tổ 1, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	120707568					
391	206	111	3180	BQ 227763	Đỗ Văn Đức	1974	Tổ 1, Phường Đoàn Kết, Thành phố Lai Châu, Lai Châu						
TỔ 2													
37	40	53	51908	BQ 236732	Trương Chính trị tỉnh Lai Châu		Tổ 2, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu						
43	46	50	1045	BD 659547	Triệu Thị Trung Hiếu	1983	Tổ 2, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu						
44	46	61	1046	BD 659542	Trần Thị Bích Thảo	1984	Tổ 2, phường Tân Phong, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40275095					
45	46	76	1051	BD 659558	Tô Thị Lý	1945	Tổ 2, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu						
49	47	128	1493	BD 587946	Đặng Văn Vân	1983	Tổ 2, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	17214518					

69	55	170	4153	BT 024013	Nguyễn Đức Thịnh	1944	Tổ 2, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45178937				
243	103	45	1000	BD 663153	Nguyễn Thị Hồng Liên	1986	Tổ 2, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu					
268	163	138	1049	CA 672403	Nguyễn Thị Toàn	1981	Tổ 2, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	182325172				
279	169	104	1519	BD 611758	Phạm Văn Trung	1979	Tổ 2, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	63173513				
711	x	32	743	BD 663913	Nguyễn Thị Xuân	1936	Tổ 2, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40024863				
712	x	23	1168	BD 663920	Bùi Ngọc Toàn	1977	Tổ 2, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45122724				

TỔ 3

64	54	63	1255	BL 266852	Nguyễn Thị Hợp	1986	Tổ 3, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40297064				
65	54	36	1219	CS 113768	Quách Thị Phụng	1985	Tổ 3, Phường Tân Phong, Thành phố Lai Châu, Lai Châu	45073747				
170	79	64	1047	BD 590993	Nguyễn Tiến Dũng	1983	Tân Phong 3, phường Tân Phong, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40231383				

TỔ 4

46	47	149	4515	BD 663937	Lê Xuân Tạo	1949	Tổ 4a, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40012836				
47	47	135	1556	BT 049518	Lê Bá Liên		Tổ 4, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, Tỉnh Lai Châu					
48	47	20	1116	BL 117489	Nguyễn Sỹ Vinh	1975	Tổ 4b, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40216855				
50	47	67	1383	AC 394312	Trần Hữu Nghĩa	1962	Tổ 4A, Phường Tân Phong, Thành phố Lai Châu, Lai Châu	45132889				
51	47	165	900	BT 049629	Nguyễn Văn Tuấn	1979	Tổ 4A, Phường Tân Phong, Thành phố Lai Châu, Lai Châu	5008473				
52	47	152	1116	BD 663939	Ngô Thị Thủy	1957	Tổ 4a, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40215998				
54	50	28	4310	CM 642667	Hà Mạnh Hùng	1984	Tổ 4, Phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, Tỉnh Lai Châu					
55	50	28	4310	CM 642667	Nguyễn Thu Thủy	1985	Tổ 4, Phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, Tỉnh Lai Châu	135202548				
59	54	11	906	BD 663949	Khúc Hữu Nam	1981	Tổ 4a, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	125126860				

66	54	10	1048	BĐ 663948	Lê Thị Hiền	1952	Tổ 4a, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40024868					
165	76	26	1048	AD 361856	Trần Văn Vân	1959	Tổ 4, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40046227					
202	89	42	1050	AM 204292	Thân Văn Tiến	1974	Tân Phong 4, phường Tân Phong, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40250382					
228	96	124	1059	AN 308075	Nông Văn Khánh	1978	Tổ 4, Phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	90776374					
229	96	124	1059	AN 308075	Trần Thị Thảo	1985	Tổ 4, Phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	168089994					
250	155	56	1050	BT 024069	Nguyễn Đức Phương	1950	Tân Phong 4, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40149510					
261	158	15	1095	BT 073003	Vũ Việt Bao	1960	Tổ 4A, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, Tỉnh Lai Châu	45162322					
267	163	1	1050	BD 590167	Vũ Thanh Bình	1986	Tổ 4, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	60748191					
274	167	49	1050	CS 108816	Ngô Thị Hiền	1985	Tổ 4, phường Tân Phong, TP.Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45188933					
300	173	116	1060	CA 634604	Trần Việt Thắng	1978	Tổ 4, Phường Tân Phong, Thành phố Lai Châu, Lai Châu	45210178					
376	200	444	2422	BT 009767	Trần Văn Tuân	1992	Tổ 4, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45101777					
377	200	444	2422	BT 009767	Nguyễn Thị Nghi	1972	Tổ 4, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40255123					
TỔ 5													
7	18	404	18985	BT 049638	Nguyễn Đức Chính	1973	Tổ 5, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	141858917					
53	50	3	1554	BL 266950	Trần Văn Sỹ	1972	Tổ 5, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40294707					
56	51	75	1835	BĐ 663982	Đỗ Văn Lực	1986	Tổ 5, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu						
57	51	75	1835	BĐ 663982	Nguyễn Thị Mai Quỳnh	1986	Tổ 5, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45000534					
58	51	39	1114	BĐ 663985	Vũ Thị Nhàn	1989	Tổ 5, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu						
73	58	24	1047	DH 667525	Phạm Thị Kim Nhung	1970	Tổ 5, Phường Tân Phong, Thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45281107					

80	59	17	43825	BL 020270	Trung tâm thông tin Tài nguyên và Môi Trường		Tổ 5, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu						
82	59	103	17111	DH 266996	Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường		Phố Võ Thị Sáu, Tổ 5, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu						
86	60	25	1050	AN 308150	Vũ Quốc Quân	1965	Tổ 5, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45003407					
105	63	17	1753	BQ 327439	Nguyễn Thị Hiền	1985	Tổ 5, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40275016					
211	91	164	1066	AN 276224	Giàng A Toàn	1978	Tổ 5, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40200302					
242	101	30	1074	BT 049619	Trịnh Xuân Lợi, Bùi Thị Linh		Tổ 5, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu						
310	182	123	50250	BQ 527824	Vàng Thị Nấn	1988	Tổ 5, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu						
TỔ 6													
68	55	92	1660	ĐĐ 663999	Đào Thị Hồng	1960	Tổ 6, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40026207					
71	55	19	1475	ĐĐ 663987	Nguyễn Châu Kính	1977	Tổ 6, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	135065636					
187	87	7	1049	BT 024819	Nguyễn Khắc Chử	1958	Tổ 6, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45098999					
188	87	7	1049	BT 024819	Vũ Thị Liên	1963	Tổ 6, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45003336					
206	91	20	1075	AN 308176	Lê Ngọc Định	1976	Tổ 6, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40334237					
627	292	24	1244	BM 034652	Trần Thị Thu	1984	Tổ 6, Phường Tân Phong, Thành phố Lai Châu, Lai Châu						
TỔ 7													
70	55	98	57846	BL 020160	Trường Tiểu Học Số 2		Tổ 7, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu						
93	62	19	1378	BQ 185913	Hoàng Thị Nhung	1958	Tổ 7, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40039117					
94	62	118	1141	BQ 185808	Trần Thị Bích Liên	1980	Tổ 7, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu						
95	62	51	840	CX 453965	Tạ Thị Nhàn	1966	Tổ 7, Phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	12183000285					

99	62	22	870	BQ 450871	Hoàng Quang Thanh	1966	Tổ 7, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45073424				
102	63	125	750	BQ 327001	Kiều Thành Chung	1980	Tổ 7, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu					
103	63	94	775	BQ 185923	Nguyễn Văn Trương	1949	Tổ 7, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu					
151	69	131	1045	AO 836684	Phìn Văn Khánh	1957	Tổ 7, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu					
155	73	14	972	AN 308398	Hoàng Thị Liệu	1984	Tổ 7, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	045177008				
176	82	71	15114	CX 329826	Đặng Xuân Nghĩa	1985	Tổ 7, Phường Tân Phong, Thành phố Lai Châu, Lai Châu	45000355				
259	157	63	1078	BT 073231	Nguyễn Đình Chương	1958	Tổ 07, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45055635				
539	260	670	1362	BM 089215	Nguyễn Xuân Thành	1989	Tổ 7, phường Tân Phong, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45033711				
Tổ 8												
87	61	36	780	BD 590899	Lê Văn Nghị	1975	Tổ 8, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45162240				
88	61	18	2622	AM 204247	Phạm Thị Huệ	1964	Tổ 8, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40298357				
89	61	4	1111	BQ 185993	Lê Thị Trang	1979	Tổ 8, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45059832				
90	62	81	1020	BQ 327002	Phạm Năng Đức	1981	Tổ 8, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu					
96	62	150	1199	BT 024464	Doãn Ngọc Đoàn	1987	Tổ 8, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	90971764				
97	62	209	1059	BQ 450886	Nguyễn Thị Nga	1988	Tổ 8, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu					
98	62	102	1227	BQ 450861	Nguyễn Đức Hùng	1972	Tổ 8, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu					
100	62	116	1838	BQ 450860	Nguyễn Thị Hồng Kiều	1966	Tổ 8, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45156735				
147	69	73	1053	ĐĐ 663104	Trần Thị Thủy	1974	Tổ 8, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40313591				
153	73	63	1068	ĐĐ 663091	Trần Thị Loan	1958	Tổ 8, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40199428				
245	104	15	1000	BL 266615	Bùi Ngọc Hồi		Tổ 8, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu					
249	155	6	1050	CM 591736	Nguyễn Thị Loan	1976	Tổ 8, Phường Tân Phong, Thành phố Lai Châu, Lai Châu					

303	173	61	1060	CA 634650	Nguyễn Thị Thủy	1986	Tổ 8, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	111622272				
Tổ 9												
146	69	112	1050	CL 160060	Phạm Văn Duy	1989	Tổ 9, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	24089017639				
158	74	119	1676	AA 02025396	Yên Thị Hương	1987	Tổ 9, phường Tân Phong					
311	182	96	11346	BQ 527833	Nguyễn Văn Tuấn	1982	Tổ 9, Phường Tân Phong, Thành phố Lai Châu, Lai Châu	45001180				
312	182	96	11346	BQ 527833	Trần Thị Xuân	1985	Tổ 9, Phường Tân Phong, Thành phố Lai Châu, Lai Châu	186349893				
696	450	45	1050	BD 611310	Nguyễn Cao Cường	1922	Tổ 9, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	187004798				
Tổ 10												
79	59	64	1052	AO 836940	Nguyễn Thị Thùy	1987	Tổ 10, Phường Tân Phong, Thành phố Lai Châu, Lai Châu	172611887				
152	70	11	1049	BA 772671	Nguyễn Duy Vinh	1977	Tổ 10, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45298699				
160	74	32	1050	BL 117402	Lý Thị Thanh	1966	Tổ 10, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45000163				
161	74	32	1050	BL 117402	Pờ Văn Số	1962	Tổ 10, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45104632				
171	79	114	1051	BT 024465	Trần Văn Minh	1970	Tổ 10, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40195692				
185	87	82	1054	DM 873812	Phan Thị Hồng	1969	Tổ 10, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	11179001036				
388	205	3	1051	BD 590813	Tăng Hữu Tiền	1984	Tổ 10, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40294664				
Tổ 11												
159	74	42	1050	BT 009240	Nguyễn Dương	1981	Tổ 11, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu					
162	74	133	1047	BL 117416	Nguyễn Đức Tài	1978	Tổ 11, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	162255968				
164	74	54	1576	BL 117717	Đỗ Thị Ngà	1981	Tổ 11, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	045156582				
169	79	13	1059	BD 663041	Trần Thị Trâm	1962	Tổ dân phố số 11, phường Tân Phong, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45002325				
204	89	9	1050	BT 009558	Nguyễn Ngọc Lâm	1983	Tân Phong 11, phường Tân Phong, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	113154572				

264	162	25	1050	BD 611273	Nguyễn Huy Thơm	1981	Tổ 11, Phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40268299					
293	171	13	1050	BT 024924	Đình Quang Tuy	1975	Tổ 11, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	162032828					
704	1001	13	1260	BA 778467	Nguyễn Thị Thanh Hương	1981	Tổ 11, Phường Tân Phong, Thành phố Lai Châu, Lai Châu						
Tổ 12													
143	66	95	1052	BD 659650	Hoàng Thị Tín	1981	Tổ 12, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu						
260	158	25	1102	BT 073197	Trịnh Thị Hồng Gấm	1985	Tổ 12, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, Tỉnh Lai Châu	45109747					
Tổ 13													
104	63	165	3498	BQ 185944	Đặng Thị Vân	1972	Tổ 13, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45000831					
106	63	134	1306	BQ 185932	Nguyễn Văn Luyện	1953	Tổ 13, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40024912					
110	63	188	839	BT 049589	Giáp Thị Thu Thủy	1984	Tổ 13, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	121415321					
157	74	128	1050	AM 204278	Nguyễn Thị Quyết	1988	Tổ 13, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	173435245					
Tổ 14													
3	8	18	8865	BQ 327232	Lê Thị Đào	1974	Tổ 14, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu						
17	23	100	2377	BQ 450109	Nguyễn Công Vinh	1972	Tổ 14, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	164007668					
18	23	100	2377	BQ 450109	Lê Thị Mai Anh	1987	Tổ 14, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu						
108	63	106	2964	BC 468024	Dương Thị The	1972	Tổ 14, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45000989					
111	64	102	1651	BT 009521	Lê Thị Hằng	1984	Tổ 14, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	164180930					
112	64	45	1672	BT 049428	Phan Thị Quỳnh	1978	Tổ 14, Phường Tân Phong, Thành phố Lai Châu, Lai Châu	40287604					
113	64	24	1327	CS 113703	Nguyễn Tuy Bút	1979	Tổ 14, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45136800					
114	64	71	1200	BD 659703	Nguyễn Văn Bảo	1936	Tổ 14, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40024888					
115	64	26	5064	BQ 185976	Đèo Văn Dương	1964	Tổ 14, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45107846					
140	66	47	1051	AO 836779	Vũ Văn Hải	1980	Tổ 14, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	151345619					

TỔ 15											
1	6	19	22524	BQ 327223	Hà Thị Tuệ	1978	Tổ 15, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu				
81	59	22	55634	CS 113777	Công ty cổ phần giống vật tư Lai Châu		Tổ 15, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu				
127	64	190	24188	BQ 532996	Nguyễn Quang Hường	1963	Tổ 15, Phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu				
144	67	5	1067	BT 009463	Đinh Thị Phụng	1967	Tổ 15, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45107738			
262	159	80	1050	BL 266337	Nguyễn Thị Bộ	1960	Tổ 15, Phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45188034			
277	168	131	1050	CA 672718	Nguyễn Thị Hà	1981	Tổ 15, Phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40250413			
315	184	13	7477	BQ 532963	Ngô Thị Tâm	1969	Tổ 15, Phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu				
707	1005	5	1050	CL 474358	Vũ Văn Tích	1959	Tổ 15, Phường Tân Phong, Thành phố Lai Châu, Lai Châu	45033780			
TỔ 16											
78	59	56	1051	BT 024609	Trần Thị Mai Phương	1985	Tổ 16, Phường Tân Phong, Thành phố Lai Châu, Lai Châu	45189360			
85	60	24	1051	BL 266955	Trần Thị Trâu	1984	Tổ 16, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	186042594			
128	65	19	1050	BD 659633	Trần Thị Vân	1958	Tổ 16, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40024898			
129	65	76	1064	BT 024471	Cao Thị Thủy	1975	Tổ 16, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45177878			
131	65	80	1050	AA 00200099	Nguyễn Ngọc Biên	1979	Tổ 16, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	34072011377			
139	66	64	1050	BD 587968	Cùng sử dụng đất với ông Đặng Gia Bảo	2010	Tổ 16, Phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu				
TỔ 17											
247	155	30	1390	BL 117893	Trần Thị Hà	1983	Tổ 17, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40293249			
248	155	63	1050	CA 672304	Mai Thị Nương	1989	Tổ 17, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	151675067			
301	173	136	1060	CA 634589	Lê Thị Tuyển	1985	Tổ 17, Phường Tân Phong, Thành phố Lai Châu, Lai Châu	45234061			
314	183	112	26204	BQ 527832	Nguyễn Xuân Vy	1951	Tổ 17, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45101107			
TỔ 18											

196	89	101	1074	BT 024186	Trần Thị Xuân	1987	Tổ 18, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45000350					
200	89	176	1051	BD 611751	Lê Ngọc Hoàn	1966	Tổ 18, Phường Tân Phong, Thành phố Lai Châu, Lai Châu	45136008					
201	89	88	1406	AN 275018	Đình Doanh Phương		Tổ 18, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu						
203	89	50	1056	BD 663192	Trần Văn Thành	1963	Tổ 18, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45065617					
220	94	33	1515	AN 276420	Nguyễn Văn Thắng	1979	Tổ 18, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40313401					
270	164	52	1053	BT 073132	Phan Bá Quyết	1962	Tổ 18, Phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, Tỉnh Lai Châu	45177899					
Tổ 19													
141	66	25	1063	BA 772841	Trần Xuân Trường		Tổ 19, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu						
186	87	133	1060	DH 664843	Nguyễn Hoài An	2015	Tổ 19, Phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu						
189	87	130	1057	AD 361642	Nguyễn Tiến Lực	1965	Tổ 19, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40243213					
284	169	91	1056	BD 611196	Phạm Ngọc Quân	1980	Tổ 19, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45128438					
581	272	126	4670	BQ 532109	Hầu A Lùng	1984	Tổ 19, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45024032					
tổ 20													
221	94	36	1041	AN 308277	Nguyễn Vũ Thành	1976	Tổ 20, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45061789					
Tổ 21													
60	54	91	1032	BL 266094	Đặng Xuân Thảo	1987	Tổ 21, Phường Tân Phong, Thành phố Lai Châu, Lai Châu	45136666					
166	77	14	2163	BQ 450827	Đoàn Thu Phương	1982	Tổ 21, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu						
174	80	33	1044	BT 024898	Lò Thị Lan Hương	1984	Tổ 12, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45177768					
177	83	155	1220	BQ 450175	Phan Đình Lập	1930	Tổ 21, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	174326818					
179	83	95	1308	BQ 450772	Lê Văn Tân	1925	Tổ 21, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40026159					
281	169	57	1056	BD 590913	Phạm Thị Báu	1954	Tổ 21, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu						
Tổ 22													
19	23	109	36002	CM 642545	Trần Thị Hằng	1991	Tổ 22, Phường Đông Phong, Thành phố Lai Châu, Lai Châu						

207	91	42	1074	BQ 227629	Phạm Thị Mến	1980	Tổ 22, Phường Đông Phong, Thành phố Lai Châu, Lai Châu	45156280				
208	91	134	1069	AN 273001	Trần Hải Yến	1980	Tổ 22, Phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40248692				
209	91	165	1066	AN 276225	Giàng Di	1935	Tổ 22, Phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40140279				
210	91	165	1066	AN 276225	Lý Thị BLa	1945	Tổ 22, Phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu					
213	91	120	1068	AN 273150	Lã Vĩnh Hoan	1977	Tổ 22, Phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	12451870				
214	91	120	1068	AN 273150	Hoàng Thủy Ngân	1976	Tổ 22, Phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu					
215	91	129	1069	BL 266991	Hoàng Công Đức	1976	Tổ 22, Phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	112052976				
216	91	113	1474	BD 663009	Bùi Thị Hạnh	1983	Tổ 22, Phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40269135				
222	95	31	1429	BQ 450477	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	1982	Tổ 22, Phường Đông Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	125125783				
223	95	42	1061	AN 275421	Phạm Văn Biển	1973	Tổ 22, Phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	131032510				
224	95	42	1061	AN 275421	Hồ Thị Vân	1973	Tổ 22, Phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu					
225	96	180	1060	AM 633706	Nguyễn Văn Ái	1965	Tổ 22, Phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu					
226	96	173	1061	AM 633705	Nguyễn Duy Mạnh	1966	Tổ 22, Phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu					
227	96	173	1061	AM 633705	Nguyễn Thị Đức	1972	Tổ 22, Phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40209891				
230	96	172	1060	AN 273081	Nguyễn Duy Đình	1962	Tổ 22, Phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	710515				
231	96	172	1060	AN 273081	Pờ Thị Tiến	1967	Tổ 22, Phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40147650				
232	96	70	1060	BD 659799	Trần Đức Thuần	1960	Tổ 22, Phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40259492				
233	96	51	1063	AM 633698	Tần A Chấn	1975	Tổ 22, Phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40311870				
234	96	51	1063	AM 633698	Tần Xoang Mây	1975	Tổ 22, Phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40298282				
236	96	141	1061	BD 663006	Hoàng Mậu Thắng	1974	Tổ 22, Phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	70615739				
237	96	85	1062	BD 659797	Nguyễn Thị Hương	1984	Tổ 22, Phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	151468528				

238	96	188	1062	BT 009099	Hoàng Ngọc Dương	1985	Tổ 22, Phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu						
239	96	188	1062	BT 009099	Lương thị Kim Nhung	1987	Tổ 22, Phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40298302					
252	157	136	1050	BD 611444	Đỗ Văn Cương	1986	Tổ 22, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	168170420					
263	160	24	1050	BĐ 663442	Đặng Thị Hoài Phi	1976	Tổ 22, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45001295					
275	167	9	1050	CA 634265	Nguyễn Văn Tư	1984	Tổ 22, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45049561					
299	173	73	1060	CA 634641	Hoàng Văn Sơn	1977	Tổ 22, Phường Đông Phong, Thành phố Lai Châu, Lai Châu	45188577					
304	173	31	1658	BT 073218	Dương Đức An	1976	Tổ 22, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45000674					
306	179	244	1995	BQ 185159	Vàng A Thào	1973	Tổ 22, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	4550272					
Tổ 23													
6	18	438	1482	CQ 331110	Nguyễn Thị Thành	1967	Tổ 23, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45210756					
8	18	351	1048	BQ 327057	Nhữ Văn Cường	1959	Tổ 23, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu						
9	18	351	1048	BQ 327057	Đào Thị Quyên	1959	Tổ 23, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45107665					
11	18	507	1246	BQ 327038	Phạm Văn Kiện	1981	Tổ 23, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu						
12	18	403	1606	BQ 327052	Phạm Thị Thúy	1982	Tổ 23, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu						
92	62	229	1542	CA 672855	Nguyễn Đình Tấn	1971	Tổ 23, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45101127					
119	64	162	20706	BQ 532977	Nguyễn Thị Bông	1961	Tổ 23, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	150610120					
120	64	192	19137	BQ 527808	Phạm Thị Nguyệt	1954	Tổ 23, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45059947					
125	64	212	12007	BQ 532988	Lê Văn Hà	1969	Tổ 23, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45055047					
148	69	83	1049	BĐ 663105	Nguyễn Thị Phượng	1979	Tổ 23, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	151522355					
154	73	1	1049	BT 009109	Nguyễn Tiến Đạt	1987	Tổ 23, Phường Đông Phong, Thành phố Lai Châu, Lai Châu						

251	156	39	1078	BD 590396	Trần Thị Huyền Trang	1991	Tổ dân phố 23, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45073195					
265	162	64	1050	BT 009386	Phạm Văn Đạt	1982	Tổ 23, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	162322172					
266	162	64	1050	BT 009386	Hoàng Thị My	1986	Tổ 23, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu						
271	164	7	1052	BT 073134	Nguyễn Thị Thoan	1970	Tổ 23, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu, Tỉnh Lai Châu						
272	164	34	1053	BL 266930	Phạm Thị Dâng	1956	Tổ 23, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40146544					
285	170	29	1055	CA 672561	Nguyễn Đức Tài	1983	Tổ 23, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45055468					
286	170	29	1055	CA 672561	Hà Thị Ngọc Anh	1984	Tổ 23, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45109777					
289	170	30	1055	CA 672444	Nguyễn Đức Vân	1975	Tổ 23, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45122847					
290	170	30	1055	CA 672444	Nguyễn Thị Nam	1978	Tổ 23, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40243121					
305	176	107	38740	BQ 327025	Sùng Thị Mỹ	1975	Tổ 23, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu						
308	182	138	18804	BQ 532975	Phạm Xuân Biên	1986	Tổ 23, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45001471					
309	182	138	18804	BQ 532975	Nguyễn Thị Thủy	1989	Tổ 23, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45089767					
316	192	61	1339	BQ 532793	Hoàng Văn Lượng	1972	Tổ 23, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	151535509					
317	192	19	1696	BT 009533	Nguyễn Thế Trường	1981	Tổ 23, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45065852					
374	199	146	2405	BT 049769	Nguyễn Quang Tuấn	1969	Tổ 23, Phường Đông Phong, Thành phố Lai Châu, Lai Châu	45083023					
500	251	3	5953	BC 467320	Nguyễn Văn Lượng	1987	Tổ 23, Phường Đông Phong, Thành phố Lai Châu, Lai Châu	45046037					
Tổ 24													
20	24	22	6702	BQ 327073	Bùi Thị Sang	1982	Tổ 24, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu						
21	28	159	999	BT 024348	Đạt		Tổ 24, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu						
302	173	82	1060	CA 634636	Nguyễn Quang Vinh	1983	Tổ 24, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu						

382	200	170	2339	BQ 527899	Ngô Văn Toán	1976	Tổ 24, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	151204639					
383	200	20	1228	BT 049615	Trần Hồng Vinh	1983	Tổ 24, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	61051290					
389	206	34	13993	BM 089606	Nguyễn Thị Hoa	1957	Tổ 24, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu						
390	206	64	1570	BT 049541	Nguyễn Văn Hùng	1982	Tổ 24, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	63073810					
Tổ 25													
16	23	87	2686	BQ 450091	Trần Bá Hương	1982	Tổ 25, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	188060181					
180	84	2	1508	BQ 450193	Trần Quang Trường	1968	Tổ 25, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu						
278	169	124	1055	BD 590210	Lò Thị Dung	1982	Tổ 25, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40372488					
282	169	161	1055	BD 611736	Đào Duy Bình	1951	Tổ 25, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40141896					
283	169	161	1055	BD 611736	Lê Thị Giáp	1951	Tổ 25, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40141890					
287	170	32	1055	BD 590214	Đào Tiến Thành	1965	Tổ 25, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40336708					
288	170	32	1055	BD 590214	Trần Thị Mai	1969	Tổ 25, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40336725					
295	172	29	1050	BL 266777	Trần Ngọc Thuần	1957	Tổ 25, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45089873					
324	195	43	1050	BD 611005	Nguyễn Văn Đáng	1941	Tổ 25, Phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40304089					
325	195	27	1050	BC 321891	Trần Thị Mát	1982	Tổ 25, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu						
326	195	6	1477	BC 321716	Bành Tú Lệ	1969	Tổ 25, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40248438					
327	196	102	1052	BC 321993	Nguyễn Phú Đoài	1960	Tổ 25, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40247509					
328	196	162	1050	BC 321817	Nguyễn Như Tề	1939	Tổ 25, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45109844					
329	196	149	1058	BC 321831	Nguyễn Anh Quy	1967	Tổ 25, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu						
330	196	105	1049	BC 321886	Đào Ngọc Thanh	1948	Tổ 25, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40059263					
331	196	21	1050	BC 321806	Đỗ Thị Thảo	1959	Tổ 25, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40133994					

332	196	21	1050	BC 321806	Lê Văn Liên	1954	Tổ 25, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40199028				
333	196	129	1050	BC 321982	Trần Khánh Lan	1947	Tổ 25, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40195158				
334	196	121	1049	BL 117131	Nguyễn Văn Soi	1956	Tổ 25, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	11526205				
335	196	121	1049	BL 117131	Nguyễn Thị Dinh	1958	Tổ 25, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	140778002				
336	196	88	1051	BC 321874	Trần Xuân Mạnh	1932	Tổ 25, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45104759				
337	196	95	1412	BC 321897	Tạ Kiên Bảo	1950	Tổ 25, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40005112				
338	197	35	1050	BT 009264	Nguyễn Ngọc Thanh	1986	Tổ 25, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45131775				
339	197	147	1305	BC 321755	Đoàn Việt Sơn	1938	Tổ 25, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40009047				
341	197	83	1049	BC 321935	Vũ Thị Nhạn	1975	Tổ 25, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40336716				
342	197	150	1406	BC 321701	Lò Văn Thi	1951	Tổ 25, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40035426				
343	197	150	1406	BC 321701	Hoàng Thị Phi Thái	1954	Tổ 25, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40014883				
344	197	80	1049	BC 466598	Hoàng Thị Gái	1933	Tổ 25, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40375682				
345	197	6	1050	BC 321911	Lương Xuân Ngô	1937	Tổ 25, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40059894				
346	197	6	1050	BC 321911	Nguyễn Thị Đáy	1937	Tổ 25, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu					
347	197	143	1050	BC 321949	Nguyễn Thị Thanh	1953	Tổ 25, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40247679				
348	197	24	1050	BC 321946	Trần Đức Hùng	1952	Tổ 25, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40005695				
349	197	141	1050	BC 321903	Lù Thị Soát	1973	Tổ 25, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40342667				
350	197	92	1050	BC 321952	Nguyễn Minh Tố	1942	Tổ 25, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40008332				
351	197	109	1051	BC 321955	Lò Thị Nón	1956	Tổ 25, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40058459				
352	197	109	1051	BC 321955	Đào Văn Niêm	1958	Tổ 25, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40131836				
353	197	77	1049	BC 321931	Lê Ngọc Tâm	1980	Tổ 25, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40248289				

354	197	77	1049	BC 321931	Phàn Thị Sáng	1981	Tổ 25, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40352653				
355	198	37	1051	BC 468086	Lương Sĩ Anh	1951	Tổ 25, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu					
357	198	85	1049	BC 321082	Dương Ngọc Hưng	1960	Tổ 25, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45073029				
358	198	85	1049	BC 321082	Vũ Thị Phương	1964	Tổ 25, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45098289				
359	198	45	1051	BC 321052	Trần Thị Ánh	1974	Tổ 25, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40336987				
360	198	43	1049	BC 321046	Lê Giang Đông	1958	Tổ 25, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40485203				
361	198	115	1049	BC 321849	Lê Trung Lương	1956	Tổ 25, phường Tân Phong, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40298453				
362	198	39	1051	BC 321894	Triệu Văn Phòng	1957	Tổ 25, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu					
363	198	39	1051	BC 321894	Nguyễn Thị Đoàn	1960	Tổ 25, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45109714				
364	198	162	1051	BC 321740	Lò Văn Cai	1919	Tổ 25, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45109728				
365	198	162	1051	BC 321740	Lò Thị Sinh	1927	Tổ 25, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu					
366	198	94	1640	BC 321702	Nguyễn Đức Luân	1952	Tổ 25, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45096626				
367	198	184	1051	BD 590670	Trần Quang Định	1967	Tổ 25, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu					
368	198	184	1051	BD 590670	Nguyễn Thị Hồng Thu	1970	Tổ 25, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40321121				
369	198	152	1050	BC 321848	Trần Thị Mận	1971	Tổ 25, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40282041				
370	198	69	1050	BX 792694	Đặng Văn Toàn	1979	Tổ 5, Phường Tân Phong, Thành phố Lai Châu, Lai Châu	45010871				
371	198	173	1050	BC 321851	Ngô Thị Diệu	1973	Tổ 25, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40121108				
379	200	493	1054	BQ 527897	Hứa Xuân Thủy	1968	Tổ 25, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu					
380	200	493	1054	BQ 527897	Trần Thị Nụ	1971	Tổ 25, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40298488				
Tổ 26												
298	172	22	1050	AA 02121688	Lê Thị Hương Giang		Tổ 26, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	36301016555				
Tổ 28												

181	86	48	1487	AD 361666	Nguyễn Khắc Tích	1963	tổ 28 Ngân Hàng Đầu Tư và Phát Triển Lai Châu	40183190				
bản mới												
2	7	111	1486	BQ 276109	Trần Thị Hương		Bản Mới, Xã San Thàng, Thành phố Lai Châu, Lai Châu	40328288				
4	15	5	1517	BQ 185083	Phạm Thị Thủy	1974	Bản Mới, xã San Thàng, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	161966368				
67	54	116	1050	AN 275193	Nguyễn Văn Tiến	1973	Bản Mới, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40204066				
121	64	158	8221	BQ 532120	Đoàn Văn Phong	1974	Bản Mới, xã San Thàng, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40315945				
124	64	468	1055	CX 410758	Nguyễn Văn A		Bản Mới, xã San Thàng, thành phố Lai Châu,					
135	65	89	4444	BQ 532182	Nguyễn Thị Ban	1948	Bản Mới, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu					
136	65	99	5302	BC 467579	Bế Thị Phương	1976	Bản Mới, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45039130				
138	65	100	4971	BC 466013	Công ano Thị Lưu	1956	Bản Mới, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45025343				
253	157	86	1075	AA 02121642	Vũ Thị Mai Quỳnh	1990	Bản Mới, xã San Thàng, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	8190007052				
294	171	71	1050	BT 009186	Bùi Thị Tươi	1986	Bản Mới, xã San Thàng, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	151534519				
313	183	145	20160	BQ 527862	Bế Thị Phương Liễu	1970	Bản Mới, xã San Thàng, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu					
624	291	4	868	BT 049250	Nguyễn Thị Tĩnh	1966	Bản Mới, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	30757765				
625	291	42	986	BM 034660	Hoàng Thị Dung	1978	Bản Mới, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40230245				
628	292	28	2528	BC 466606	Đỗ Đình Phùng	1953	Bản Mới, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45068957				
629	294	126	3227	BM 089694	Đỗ Thị Thanh Hoa	1981	Bản Mới, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40244445				
630	294	136	942	BC 467580	Trần Xuân Sơn	1944	Bản Mới, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45189259				
631	294	92	954	BC 468122	Hoàng Thị Kim Thịnh	1967	Bản Mới, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40230608				
632	296	32	2925	BM 089663	Đoàn Thị Dung	1952	Bản Mới, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45000085				
635	296	23	1385	BT 009091	Trương Thị Hường	1983	Bản Mới, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	186837332				

bản Trung Tâm												
134	65	122	6487	BQ 532179	Đỗ Thị Tư	1949	Bản Trung Tâm, xã San Thành, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	360002760				
156	73	43	1050	CS 113687	Triệu thị Tố Như	1975	Bản Trung Tâm, xã San Thành, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40250772				
258	157	39	1078	BT 073046	Dương Duy Lai	1966	Bản Trung Tâm, xã San Thành, thành phố Lai Châu, Tỉnh Lai	89070299				
297	172	39	1050	BL 117253	Trần Thị Sim	1980	Bản Trung Tâm, xã San Thành, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	162238171				
397	211	36	642	BT 477157	Hoàng Thị Chắt	1968	Bản Trung Tâm, xã San Thành, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40250766				
419	222	494	727	BC 467332	Hồ Văn Công ano	1970	Bản Trung Tâm, xã San Thành, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45068841				
432	226	171	513	BC 467464	Hoàng Hán	1952	Bản Trung Tâm, xã San Thành, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40279284				
621	289	48	2743	BC 467462	Tạ Thị Dung	1980	Bản Trung Tâm, xã San Thành, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu					
622	290	1	1392	BC 466425	Lù Văn Liếng	1954	Bản Trung Tâm, xã San Thành, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45065089				
623	291	40	8918	BC 466440	Trần Đức Viện	1934	Bản Trung Tâm, xã San Thành, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45098865				
626	291	15	2879	BC 467558	Nguyễn Thị Phương	1941	Bản Trung Tâm, xã San Thành, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu					
bản Căng Đăng												
606	280	624	242	BM 089169	Vàng Thị Chun	1949	Bản Căng Đăng, xã San Thành, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40031730				
520	253	277	2522	BM 089182	Vàng Thị Dung	1993	Bản Căng Đăng, xã San Thành, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu					
547	261	1021	878	BC 468115	Vùi Thị Chè	1976	Bản Căng Đăng, xã San Thành, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu					
550	262	72	2489	BM 034666	Tào Thị Chiến	1982	Bản Căng Đăng, xã San Thành, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu					
554	262	39	4039	BQ 532019	Vàng Thị Chám	1978	Bản Căng Đăng, xã San Thành, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu					
556	262	155	10905	BC 468192	Trần Văn Thanh	1969	Bản Căng Đăng, xã San Thành, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45104301				
557	262	107	1590	BQ 532018	Hoàng Thị Đồ	1981	Bản Căng Đăng, xã San Thành, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu					
558	262	147	14762	BC 467521	Vàng Văn Công anm	1965	Bản Căng Đăng, xã San Thành, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45025845				
562	262	160	3392	BQ 532003	Trần Văn Công ano	1977	Bản Căng Đăng, xã San Thành, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45104237				

563	262	105	1371	BC 467524	Vàng Văn Đìn	1958	Bản Cẩng Đẩng, xã San Thầg, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40031880				
564	263	70	4844	BM 034685	Vàng Văn Viếť	1983	Bản Cẩng Đẩng, xã San Thầg, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45025712				
572	269	644	10208	BC 467245	Vùi A Nám	1969	Bản Cẩng Đẩng, xã San Thầg, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45068617				
573	269	644	10208	BC 467245	Lê Thị Thu	1975	Bản Cẩng Đẩng, xã San Thầg, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu					
575	269	223	1357	BC 468145	Vùi A ín	1966	Bản Cẩng Đẩng, xã San Thầg, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40147930				
576	269	257	247	BC 468162	Trần Đức Vượg	1959	Bản Cẩng Đẩng, xã San Thầg, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45104217				
577	270	62	5197	BC 468178	Xã Văn Tải	1970	Bản Cẩng Đẩng, xã San Thầg, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45104591				
578	270	61	2167	BC 467233	Vùi Thị Sy	1988	Bản Cẩng Đẩng, xã San Thầg, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu					
585	275	115	11442	BC 468167	Vàng Văn Túg	1975	Bản Cẩng Đẩng, xã San Thầg, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45001921				
586	275	138	2990	BC 468150	Lù Thị Xám	1976	Bản Cẩng Đẩng, xã San Thầg, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu					
587	275	335	4424	BC 468156	Thào Thị Suu	1978	Bản Cẩng Đẩng, xã San Thầg, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu					
589	275	434	2203	BC 468182	Lù Mấყ Nhèn	1957	Bản Cẩng Đẩng, xã San Thầg, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu					
595	279	380	5835	BM 034673	Trần Văn Chom	1988	Bản Cẩng Đẩng, xã San Thầg, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45025736				
596	279	380	5835	BM 034673	Vàng Thị Vui	1986	Bản Cẩng Đẩng, xã San Thầg, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu					
669	375	93	76478	BM 089221	Trần A Và	1953	Bản Cẩng Đẩng, xã San Thầg, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40031703				
670	375	87	35922	BC 468152	Chảo A Pà	1942	Bản Cẩng Đẩng, xã San Thầg, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40031717				
671	375	87	35922	BC 468152	Vàng Thị Rèn	1937	Bản Cẩng Đẩng, xã San Thầg, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu					
675	376	266	21158	BM 089229	Vàng Văn Xay	1964	Bản Cẩng Đẩng, xã San Thầg, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40270021				
681	378	284	1902	BT 477133	Thàn Văn Sai	1955	Bản Cẩng Đẩng, xã San Thầg, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu					
682	378	34	5350	BM 089171	Lò Văn Đượс	1985	Bản Cẩng Đẩng, xã San Thầg, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45104243				
684	381	67	32865	BC 467227	Lò A Tàng	1952	Bản Cẩng Đẩng, xã San Thầg, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu					

685	381	67	32865	BC 467227	Vậy Thị Xén	1951	Bản Cẩng Đẩng, xã San Thằng, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40031748				
686	381	64	16547	BC 468107	Vàng Văn Công anng	1971	Bản Cẩng Đẩng, xã San Thằng, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40279200				
Chin Chu Chải												
398	212	74	1489	BC 466968	Gì Văn Chiêu	1963	Bản Chin Chu Chải, xã San Thằng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai					
405	218	1019	1507	BQ 532734	Hò Văn Sẩm	1974	Bản Chin Chu Chải, xã San Thằng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai	45025388				
408	218	1098	19137	BC 466992	Đào Thị Den	1956	Bản Chin Chu Chải, xã San Thằng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai					
409	221	187	352	BC 466566	Lù Văn Nghi	1954	Bản Chin Chu Chải, xã San Thằng, thành phố Lai Châu, tỉnh	40148352				
410	221	187	352	BC 466566	Thào Thị Chao	1956	Bản Chin Chu Chải, xã San Thằng, thành phố Lai Châu, tỉnh					
411	221	89	2020	BC 466956	Liềng Văn Phủ	1972	Bản Chin Chu Chải, xã San Thằng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai	40270094				
412	221	363	1777	BC 466572	Giàng Văn Phúc	1957	Bản Chin Chu Chải, xã San Thằng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai	45068927				
413	221	113	3122	BM 089785	Hoàng A Dừng	1952	Bản Chin Chu Chải, xã San Thằng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai	40024301				
414	221	318	3164	BQ 532047	Hoàng Văn Kiến	1971	Bản Chin Chu Chải, xã San Thằng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai					
415	221	383	9430	BC 466577	Dì Văn Vùi	1958	Bản Chin Chu Chải, xã San Thằng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai	45156077				
421	222	225	3359	BM 089776	Hù Thị Vắn	1984	Bản Chin Chu Chải, xã San Thằng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai	45096687				
430	225	79	3918	BC 466553	Lù Văn Chẵn	1966	Bản Chin Chu Chải, xã San Thằng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai	45068705				
431	226	33	143	BQ 532746	Hù Văn Tinh	1968	Bản Chin Chu Chải, xã San Thằng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai	40337401				
619	287	9	4144	BT 477127	Dà Thị San	1963	Bản Chin Chu Chải, xã San Thằng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai	360053957				
620	289	37	4323	BQ 532086	Lý Thị Mặc	1982	Bản Chin Chu Chải, xã San Thằng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai	45030556				
647	369	123	5996	BL 266448	Trần Thanh Bình	1983	Bản Chin Chu Chải, xã San Thằng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai	40291343				
648	369	123	5996	BL 266448	Đoàn Thị Thu	1979	Bản Chin Chu Chải, xã San Thằng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai					
650	370	1	822	BQ 532731	Vùi Văn Ngoãn	1974	Bản Chin Chu Chải, xã San Thằng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai	40279305				

694	390	64	2060	BC 466948	Hù A Pín	1949	Bản Chín Chu Chải, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai	40147980				
695	390	64	2060	BC 466948	Vàng Thị Chiu	1945	Bản Chín Chu Chải, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai					
Coóc Pa												
597	279	286	2287	BM 034768	Lù A Chao	1979	Bản Coóc Pa, xã Bản Giang, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu	45032390				
598	279	286	2287	BM 034768	Lèng Thị Hợp	1984	Bản Coóc Pa, xã Bản Giang, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu					
599	279	262	3117	BM 034778	Trần A Pàn	1959	Bản Coóc Pa, xã Bản Giang, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu	40040273				
600	279	509	2778	BM 089009	Vàng Thị Tỷ	1983	Bản Coóc Pa, xã Bản Giang, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu					
604	280	581	22676	BM 089008	Vàng Thị Xén	1987	Bản Coóc Pa, xã Bản Giang, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu					
614	285	119	771	BM 034766	Trần A Công anm	1974	Bản Coóc Pa, xã Bản Giang, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu	40071035				
615	285	119	771	BM 034766	Lèng Thị Tinh	1976	Bản Coóc Pa, xã Bản Giang, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu					
616	286	16	5583	BM 034783	Trần Văn Sang	1950	Bản Coóc Pa, xã Bản Giang, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu					
617	286	16	5583	BM 034783	Lò Thị Đánh	1948	Bản Coóc Pa, xã Bản Giang, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu	40040308				
618	286	47	3738	BM 034775	Vàng Thị Hãn	1973	Bản Coóc Pa, xã Bản Giang, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu					
Lao Tỷ Phùng												
513	252	246	685	BM 089402	Sùng A Câu	1971	Bản Lao Tỷ Phùng, xã Nùng Nàng, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu	45024281				
580	272	207	514	BM 089454	Hãng Công anng Dinh	1964	Bản Lao Tỷ Phùng, xã Nùng Nàng, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu	45024101				
583	273	607	634	BX 792944	Giàng Thị Mây	1975	Lao Tỷ phùng, Nùng Nàng, Tam Đường, Lai Châu					
Lò Suối Tùng												
480	240	29	12215	BC 466173	Nguyễn Văn Nhất	1956	Bản Lò Suối Tùng, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45068661				
481	240	61	3544	BM 089133	Nguyễn Chí Thanh	1935	Bản Lò Suối Tùng, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45101822				
495	247	63	825	BC 466245	Lò Thị Giáo	1973	Bản Lò Suối Tùng, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45033751				

496	247	143	5671	BM 089137	Vàng Văn Minh	1976	Bản Lò Suối Tùng, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45068963					
497	248	4	776	BM 089142	Hoàng Thị Kén	1981	Bản Lò Suối Tùng, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45968640					
657	372	131	5918	BC 466177	Nguyễn Thị Công anh	1950	Bản Lò Suối Tùng, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45107619					
660	373	304	9780	BC 466706	Đỗ Văn Thuận	1940	Bản Lò Suối Tùng, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45101831					
661	373	304	9780	BC 466706	Trần Thị Chiến	1938	Bản Lò Suối Tùng, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu						
663	374	201	9397	BC 466187	Vàng Văn Lộc	1968	Bản Lò Suối Tùng, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45068867					
666	374	239	2753	BC 466183	Nguyễn Thị Phương	1967	Bản Lò Suối Tùng, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45055874					
Lùng Than													
636	357	41	53934	BC 321217	Vàng Văn Cóong	1967	Bản Lùng Than, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40148378					
637	360	6	12144	BC 321114	Lò A Chiềng	1945	Bản Lùng Than, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40032973					
687	384	861	3107	BT 477111	Nguyễn Thị Dương	1975	Bản Lùng Than, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu						
688	385	241	2441	BC 321111	Đì Thị Sóng	1961	Bản Lùng Than, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu						
689	385	538	4659	BC 466812	Lù Văn Mùi	1935	Bản Lùng Than, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu						
690	388	409	3958	BC 321218	Vàng Văn Cóong	1967	Bản Lùng Than, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40148378					
691	388	718	796	BC 321524	Vàng A Mần	1955	Bản Lùng Than, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45155350					
692	389	63	3129	BQ 532905	Vàng Thị Mỹ	1988	Bản Lùng Than Chung Hải, xã Tả Lèng, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu						
Nùng Năng													
514	252	1023	960	BT 024293	Sùng Thị Súa	1989	Xã Nùng Năng, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu	45024333					
594	278	524	1189	BM 089745	Sùng A Vư	1972	Bản Nùng Năng, xã Nùng Năng, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu	45024964					
Phan Chu Hoa													
498	250	26	9362	BM 089574	Vàng Thị Dính	1982	Bản Phan Chu Hoa, xã Nùng Năng, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu						

510	252	451	1399	BM 089411	Vàng A Chang	1960	Bản Phan Chu Hoa, xã Nùng Nàng, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu	40039413					
511	252	451	1399	BM 089411	Gì Thị Mào	1965	Bản Phan Chu Hoa, xã Nùng Nàng, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu						
530	258	473	1101	BM 089560	Hảng A Nhà	1976	Bản Phan Chu Hoa, xã Nùng Nàng, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu	45024309					
533	259	516	7418	BM 089566	Vàng A Nhà	1966	Bản Phan Chu Hoa, xã Nùng Nàng, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu	40316610					
534	259	516	7418	BM 089566	Hầu Thị Công anng	1968	Bản Phan Chu Hoa, xã Nùng Nàng, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu						
535	259	231	11851	BM 089707	Hảng A Dao	1957	Bản Phan Chu Hoa, xã Nùng Nàng, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu						
537	259	507	3816	BM 089453	Chang Thị Dinh	1989	Bản Phan Chu Hoa, xã Nùng Nàng, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu						
538	259	54	172	BM 089525	Hảng A Lông	1943	Bản Phan Chu Hoa, xã Nùng Nàng, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu	40039527					
568	268	623	2666	BM 089575	Giàng Thị Hoa	1991	Bản Phan Chu Hoa, xã Nùng Nàng, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu						
569	268	23	40589	CM 591015	Ma Thị Lầu	1980	Bản Phan Chu Hoa, Xã Nùng Nàng, Huyện Tam Đường, Lai Châu	45134032					
582	273	289	1829	BM 089486	Lý A Hảng	1960	Bản Phan Chu Hoa, xã Nùng Nàng, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu	40038678					
591	278	349	1253	BM 089425	Vàng A Chu	1986	Bản Phan Chu Hoa, xã Nùng Nàng, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu	40282027					
608	283	1217	1210	BM 089499	Vàng A Hảng	1928	Bản Phan Chu Hoa, xã Nùng Nàng, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu	40039544					
Phan Lìn													
528	256	7	150	BM 089293	Nguyễn Thị Huyền	1969	Bản Phan Lìn, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu						

529	256	63	380	BC 321782	Phạm Văn Quê	1964	Bản Phan Lìn, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu						
551	262	143	4725	BQ 527977	Vũ Thị Lý	1959	Bản Phan Lìn, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu						
552	262	218	6462	BC 467543	Trần Thị Liên	1963	Bản Phan Lìn, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu						
553	262	97	1208	BC 321699	Trần Văn Đột	1960	Bản Phan Lìn, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40146620					
559	262	367	6554	BC 466863	Phạm Thị Linh	1985	Bản Phan Lìn, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45059621					
560	262	215	13694	BM 034689	Trần Văn Cảnh	1983	Bản Phan Lìn, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45104228					
561	262	215	13694	BM 034689	Thào Thị Tư	1985	Bản Phan Lìn, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu						
565	263	96	4918	BC 466859	Phạm Thị Lựu	1937	Bản Phan Lìn, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45066216					
571	269	568	4312	BC 321794	Phan Thị Thời	1963	Bản Phan Lìn, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu						
574	269	414	2467	BC 321615	Vàng Văn Dín	1967	Bản Phan Lìn, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40147941					
579	270	33	5036	BC 321604	Đỗ Thị Thuý Trường	1966	Bản Phan Lìn, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45073088					
588	275	222	974	BC 466876	Lò Thị Khẩu	1989	Bản Phan Lìn, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu						
590	276	36	2238	BC 466829	Nguyễn Văn Tố	1964	Bản Phan Lìn, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45107856					
601	280	211	6855	BM 089392	Trần Thị Sùng	1957	Bản Phan Lìn, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45068792					
602	280	472	8193	BC 466880	Vùi Văn Công anh	1978	Bản Phan Lìn, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40256817					
603	280	472	8193	BC 466880	Vùi Thị Cháp	1980	Bản Phan Lìn, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu						
607	281	15	2795	BC 466886	Phạm Thị Anh	1982	Bản Phan Lìn, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu						
676	378	30	10399	BC 321617	Lê Văn Câu	1941	Bản Phan Lìn, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45104434					
677	378	30	10399	BC 321617	Nguyễn Thị Thanh	1946	Bản Phan Lìn, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu						
680	378	110	3318	BC 466868	Nguyễn Thái Dương	1978	Bản Phan Lìn, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu						
683	378	126	33848	BC 466855	Phạm Văn Hải	1973	Bản Phan Lìn, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45055352					

San Thàng

399	212	314	5085	BC 466919	Lò Văn Sin	1977	Bản San Thàng 1, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45104549				
400	215	45	2993	BC 466468	Hồ Văn Pà	1960	Bản San Thàng 1, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40031231				
401	215	195	544	BC 466738	Vùi Thị Kiến	1982	Bản San Thàng 2, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu					
402	215	180	1422	BC 466392	Mùng Văn Chiềng	1979	Bản San Thàng 1, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45055870				
403	215	180	1422	BC 466392	Hồ Thị Mến	1982	Bản San Thàng 1, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45033370				
404	215	167	3287	BC 466736	Thào Văn Thử	1986	Bản San Thàng 2, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu					
406	218	1186	957	BM 089255	Mùng Văn Lơ	1968	Bản San Thàng 2, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45104513				
407	218	1186	957	BM 089255	Vàng Thị Vên	1971	Bản San Thàng 2, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu					
417	222	543	195	BC 466451	Phan Văn Yên	1977	Bản San Thàng 2, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45073968				
418	222	777	2201	BC 466403	Nông Văn Đích	1975	Bản San Thàng 1, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45025309				
420	222	498	17199	BQ 532096	Lò Thị Nhan	1990	Bản San Thàng 1, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu					
423	223	641	550	BC 466932	Hì Thị Liên	1985	Bản San Thàng 1, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40328266				
424	223	434	813	BT 477114	Vàng Văn Sun	1978	Bản San Thàng 1, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45055799				
425	223	1247	571	BC 466411	Hoàng Văn Dỹ	1957	Bản San Thàng 1, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45025332				
426	223	635	459	BM 034632	Lò Văn Nguyên	1972	Bản San Thàng 1, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45025805				
427	223	814	5458	BQ 532097	Trần Thị Khấn	1982	Bản San Thàng 1, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu					
428	223	921	5668	BQ 532092	Hoàng Văn Hành	1961	Bản San Thàng 1, Xã San Thàng, Thành phố Lai Châu, Lai Châu	45025377				
429	224	147	1857	BC 466412	Hoàng Văn Giao	1954	Bản San Thàng 1, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu					
433	227	257	158	BC 466457	Lù Thị Din	1978	Bản San Thàng 1, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45025339				
434	228	567	372	BM 034745	Hồ Văn Tủi	1969	Bản San Thàng 2, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45131359				

435	228	586	675	BC 466741	Hoàng Văn Sám	1981	Bản San Thành 2, xã San Thành, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45055328				
436	228	803	213	BC 466678	Vàng A Hằng	1934	Bản San Thành 2, xã San Thành, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40031191				
437	228	149	8477	BC 466483	Vàng Thị Công anm	1977	San Thành 2, San Thành, Thành phố Lai Châu, Lai Châu	45001070				
438	228	265	995	BC 466911	Mùng Văn Thi	1985	Bản San Thành 1, xã San Thành, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu					
439	228	1291	537	BC 466917	Triệu Trọng Tứ	1983	Bản San Thành 1, xã San Thành, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40328366				
440	228	1049	1625	BC 532080	Bùi Đăng Chuyển	1977	Bản San Thành 2, xã San Thành, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	145574041				
441	228	1049	1625	BC 532080	Nguyễn Thị Thủy	1981	Bản San Thành 2, xã San Thành, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu					
442	228	1041	7251	BM 034708	Phạm Văn Riễn	1967	Bản San Thành 2, xã San Thành, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	151070089				
443	228	137	275	BC 466657	Vùi Văn Điềm	1963	Bản San Thành 2, Xã San Thành, Thành phố Lai Châu, Lai Châu	45235400				
444	229	889	294	BC 466664	Thào A Sai	1958	Bản San Thành 2, xã San Thành, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40031281				
445	229	575	463	BC 466740	Lù Thị Liêng	1981	Bản San Thành 2, xã San Thành, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu					
446	229	548	2543	BM 089282	Lê Văn Tĩnh	1966	Bản San Thành 2, xã San Thành, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45065965				
447	229	548	2543	BM 089282	Đỗ Thị Thành	1972	Bản San Thành 2, xã San Thành, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu					
448	229	990	392	BC 466479	Thào Thị Mùi	1928	Bản San Thành 2, xã San Thành, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45085629				
451	229	1054	1006	BM 089265	Trần Ngọc Hà	1985	Bản San Thành 2, xã San Thành, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu					
452	229	1133	2223	BC 466675	Hoàng Quốc Cường	1965	Bản San Thành 2, xã San Thành, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45055448				
453	229	1133	2223	BC 466675	Lê Thị Dần	1964	Bản San Thành 2, xã San Thành, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40315923				
454	230	150	179	BM 089290	Phan Thị Rin	1979	Bản San Thành 2, xã San Thành, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu					
455	231	294	439	BM 034637	Trần Ngọ Hà	1985	Bản San Thành 1, xã San Thành, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu					
456	233	4	1780	BM 034723	Lù A Ngán	1960	Bản San Thành 2, xã San Thành, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45068980				
468	236	6	613	BM 089251	Nguyễn Văn Hở	1979	Bản San Thành 2, xã San Thành, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu					

472	236	94	14444	BM 089249	Hoàng Văn Hoan	1980	Bản San Thàng 2, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45101200					
555	262	69	3468	BC 467526	Lù Thị Đại	1964	Xã San Thàng, Thành phố Lai Châu, Lai Châu	45226102					
605	280	435	942	BQ 276141	Trần Văn Tâm	1973	Xã San Thàng, Thành phố Lai Châu, Lai Châu	45032577					
649	369	65	2605	BC 466680	Giàng A Giang	1948	Bản San Thàng 2, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40005327					
651	370	116	1158	BC 466510	Mùng Văn Sớ	1960	Bản San Thàng 1, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45068830					
652	370	270	1419	BC 466430	Hồ Văn Khun	1949	Bản San Thàng 1, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45104552					
653	370	496	2754	BM 034742	Hoàng Văn Quân	1962	Bản San Thàng 2, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45101800					
654	370	496	2754	BM 034742	Lò Thị Inh	1964	Bản San Thàng 2, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu						
655	370	352	1757	BC 466751	Vàng Thị Yến	1992	Bản San Thàng 2, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu						
656	372	57	78630	BM 089275	Nguyễn Văn Thiết	1982	Bản San Thàng 2, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45081083					
693	389	735	2215	BM 089759	Hồ Văn Nám	1957	Bản San Thàng 1, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40279301					
	Sáy San												
507	252	623	5459	BM 089719	Ma A Lùng	1981	Bản Sáy San 3, xã Nùng Nàng, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu	45024059					
531	258	199	1223	BM 089563	Sùng Thị Công anm	1979	Bản Sáy San 1, xã Nùng Nàng, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu	45024082					
545	260	949	2647	BM 089507	Ma A Khoa	1988	Bản Sáy San 1, xã Nùng Nàng, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu	45024047					
584	273	843	501	BM 089725	Giàng A Sang	1959	Bản Sáy San 1, xã Nùng Nàng, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu	40031371					
Séo Sín Chải													
132	65	425	9894	BQ 532128	Nguyễn Văn Lợi	1963	Bản Séo Sín Chải, xã San Thàng, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45104961					
699	841	175	14624	BC 466588	Nguyễn Thị Hiệu	1926	Bản Séo Sín Chải, xã San Thàng, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45121944					
385	201	82	3679	BC 466584	Nguyễn Văn Thân	1938	Bản Séo Xin Chải, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40031634					
473	238	58	1278	BQ 527936	Nguyễn Thị Hà	1979	Bản Séo Xin Chải, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu						
474	238	58	1278	BQ 527936	Nguyễn Quốc Khánh	1976	Bản Séo Xin Chải, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu						

475	239	103	1415	BM 089340	Nguyễn Thanh Toan	1977	Bản Séo Xin Chải, xã San Thành, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45068874				
477	239	165	3281	BM 089369	Nguyễn Hồng Diễm	1979	Bản Séo Xin Chải, xã San Thành, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40282350				
483	244	46	2253	BT 477119	Nguyễn Văn Ứng	1949	Bản Séo Xin Chải, xã San Thành, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45068788				
486	244	228	7018	BM 089342	Chèo Xeo Hoàn	1979	Bản Séo Xin Chải, xã San Thành, Thành phố Lai Châu, Lai Châu	45059329				
489	244	399	1198	BC 467292	Nguyễn Văn Ngoãn	1977	Bản Séo Xin Chải, xã San Thành, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45065902				
490	244	399	1198	BC 467292	Nguyễn Thị Khuyên	1982	Bản Séo Xin Chải, xã San Thành, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu					
491	245	4	115	BM 089374	Nguyễn Văn Tuyên	1964	Bản Séo Xin Chải, xã San Thành, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu					
493	245	58	5352	BC 467392	Nguyễn Minh Thêu	1974	Bản Séo Xin Chải, xã San Thành, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45059765				
494	246	18	2668	BM 089701	Nguyễn Văn Khá	1976	Bản Séo Xin Chải, xã San Thành, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu					
508	252	87	731	BC 321291	Nguyễn Thị Thạch	1963	Bản Séo Xin Chải, xã San Thành, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45104958				
516	252	1066	8729	BM 034675	Lê Văn Phú	1987	Bản Séo Xin Chải, xã San Thành, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45039128				
525	253	136	6256	BM 089386	Nguyễn Thị Kim	1979	Bản Séo Xin Chải, xã San Thành, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu					
527	255	19	1872	BC 321186	Trần Thị Lan	1941	Bản Séo Xin Chải, xã San Thành, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu					
659	373	345	11009	BM 089351	Nguyễn Thị Huệ	1972	Bản Séo Xin Chải, xã San Thành, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40204037				
662	373	78	4648	BC 467316	Nguyễn Thị Hằng	1981	Bản Séo Xin Chải, xã San Thành, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu					
667	374	150	1864	BC 467596	Nguyễn Văn Thảo	1951	Bản Séo Xin Chải, xã San Thành, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40031598				
672	376	140	6737	BC 321282	Nguyễn Văn Trần	1965	Bản Séo Xin Chải, xã San Thành, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45032146				
701	841	144	22256	BC 321120	Nguyễn Văn Tự	1960	Bản Xéo Xin Chải, xã San Thành, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu					
Sì Miền Khan												
566	266	305	5323	BM 089418	Sùng A Chính	1962	Bản Sì Miền Khan, xã Nùng Nang, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu	40328480				

570	268	1153	8207	BM 089723	Ma Thị Vàng	1986	Bản Sĩ Miền Khan, xã Nùng Nàng, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu						
592	278	466	718	BM 089516	Hảng A Kỹ	1970	Bản Sĩ Miền Khan, xã Nùng Nàng, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu						
593	278	466	718	BM 089516	Giàng Thị Pàng	1970	Bản Sĩ Miền Khan, xã Nùng Nàng, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu	40152258					
609	283	1299	1855	BQ 532726	Hảng A Khay	1976	Bản Sĩ Miền Khan, xã Nùng Nàng, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu	45134106					
610	283	725	1121	BT 477168	Hảng Chông Dy	1958	Bản Sĩ Miền Khan, xã Nùng Nàng, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu	40039440					
611	283	635	835	BM 089400	Sùng A Cáng	1966	Bản Sĩ Miền Khan, xã Nùng Nàng, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu	40328478					
612	283	1461	814	BT 477174	Hảng Thị Xây	1966	Bản Sĩ Miền Khan, xã Nùng Nàng, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu						
613	283	55	369	BQ 532707	Hảng Thị Chà	1966	Bản Sĩ Miền Khan, xã Nùng Nàng, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu	45134779					
Sùng Chô													
482	240	53	2157	BQ 532031	Nguyễn Văn Thịnh	1980	Bản Sùng Chô, xã Sùng Phài, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45235198					
Tả Làn Than													
13	22	113	10097	AM 204178	Lò Thị Chiêng	1989	Bản Tả Làn Than, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu						
15	22	97	5022	BQ 450896	Lý A Tả	1955	Bản Tả Làn Than, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40279571					
307	179	83	2562	BQ 185473	Phan Thị Len	1964	Bản Tả Làn Than, phường Tân Phong, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu						
Tả Xin Chải													
117	64	264	12545	BM 034606	Hù Thị Vẩy	1970	Bản Tả Xin Chải 1, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45068636					
118	64	282	16791	BC 467161	Vùi Thị Lý	1955	Bản Tả Xin Chải 1, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu						

122	64	302	5292	BC 321381	Nguyễn Thành Văn	1977	Bản Tả Xin Chải 2, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45104930				
123	64	302	5292	BC 321381	Vũ Thị Hồng Ngát	1972	Bản Tả Xin Chải 2, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu					
133	65	342	3137	BM 089684	Chảo Văn Viên	1989	Bản Tả Xin Chải 2, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45104929				
137	65	286	6983	BC 321579	Phạm Thị Nguyên	1978	Bản Tả Xin Chải 1, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu					
318	193	31	1328	BC 321456	Vùi Văn Lui	1940	Bản Tả Xin Chải 1, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40147800				
319	193	31	1328	BC 321456	Lù Thị Vân	1943	Bản Tả Xin Chải 1, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu					
320	193	25	2655	BC 321426	Nguyễn Thị Thủy	1982	Bản Tả Xin Chải 1, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45032880				
321	194	156	7661	BC 467502	Lèng A Qua	1971	Bản Tả Xin Chải 1, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45032054				
322	194	45	5173	BC 321546	Vàng Thị Ai	1954	Bản Tả Xin Chải 1, phường San Thàng, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu					
375	200	403	16145	BC 467189	Sẻ Thị Cỏ	1988	Bản Tả Xin Chải 1, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu					
378	200	258	4343	BC 321411	Lò Máy Dền	1955	Bản Tả Xin Chải 1, Xã San Thàng, thành phố Lai Châu, tỉnh	40031540				
387	204	36	5356	BC 321138	Nguyễn Văn Vóc	1948	Bản Tả Xin Chải 2, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40203961				
393	207	53	5953	BC 321407	Lù A Kên	1973	Bản Tả Xin Chải 1, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45068774				
394	207	74	7427	BQ 227678	Lèng Thị Bốn	1978	Bản Tả Xin Chải 1, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, Lai Châu	45032663				
395	207	128	4148	BC 321467	Lù Thị Vầy	1967	Bản Tả Xin Chải 1, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu					
484	244	212	1888	BC 321326	Vùi A Dín	1953	Bản Tả Xin Chải 2, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40031437				
485	244	409	1005	BC 467190	Vàng Thị Cẩu	1981	Bản Tả Xin Chải 1, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu					

487	244	161	8997	BC 321388	Nguyễn Văn Túc	1974	Bản Tả Xin Chải 2, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45001151					
488	244	368	312	BC 321314	Chảo Máy Dũn	1957	Bản Tả Xin Chải 2, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40031563					
492	245	29	1595	BC 321376	Nguyễn Thị Hương	1970	Bản Tả Xin Chải 2, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu						
499	251	6	806	BC 467184	Lò Thị Thao	1958	Bản Tả Xin Chải 1, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu						
501	251	785	10083	BC 467224	Vùi Văn Lý	1955	Bản Tả Xin Chải 1, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu						
502	251	372	7912	BM 034614	Lù Văn Họa	1989	Bản Tả Xin Chải 1, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45098219					
503	251	372	7912	BM 034614	Tào Thị Bẩy	1987	Bản Tả Xin Chải 1, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu						
504	251	526	136	BC 321586	Thào Thị Liên	1964	Bản Tả Xin Chải 1, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45032687					
505	251	169	1782	BC 467220	Lù A Quẩn	1983	Bản Tả Xin Chải 1, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu						
506	251	745	3788	BQ 227724	Nguyễn Tiến Khen	1963	Bản Tả Xin Chải 1, xã San Thàng, Thành phố Lai Châu, Lai Châu						
509	252	436	608	BM 089681	Lù Thị Nhor	1987	Bản Tả Xin Chải 2, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu						
512	252	90	1867	BC 321349	Vàng A Mìn	1934	Bản Tả Xin Chải 2, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40031458					
515	252	171	2537	BC 321339	Đinh Văn Hào	1959	Bản Tả Xin Chải 2, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45003745					
517	252	271	271	BM 089666	Vàng Văn Ciu	1966	Bản Tả Xin Chải 2, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45968840					
518	253	430	898	BC 321317	Lù Văn Chìn	1936	Bản Tả Xin Chải 2, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40031497					
519	253	405	1214	BC 321309	Vàng A Bù	1969	Bản Tả Xin Chải 2, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu						
521	253	158	316	BC 466763	Vàng Văn Công anm	1969	Bản Tả Xin Chải 2, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40204169					
522	253	110	397	BQ 532767	Liềng Văn Mần	1955	Bản Tả Xin Chải 1, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45059326					
523	253	32	6879	BM 089685	Lò Văn Xanh	1984	Bản Tả Xin Chải 2, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45039849					
524	253	61	2458	BQ 532770	Lù A Soóng	1962	Bản Tả Xin Chải 1, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40031492					
532	259	301	9930	BC 321445	Lù Văn Công anng	1961	Bản Tả Xin Chải 1, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45025811					

536	259	51	5880	BC 321253	Công ano Thị Dì	1971	Bản Tả Xin Chải 1, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45968937				
540	260	346	288	BC 321547	Lù Văn Tùng	1960	Bản Tả Xin Chải 1, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40031549				
541	260	827	6298	BC 467199	Vàng Văn Kiên	1985	Bản Tả Xin Chải 1, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45104919				
542	260	827	6298	BC 467199	Chảo Thị Pẩy	1984	Bản Tả Xin Chải 1, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu					
544	260	584	2070	BC 467215	Vàng A Ái	1964	Bản Tả Xin Chải 1, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45104921				
546	261	548	1793	BC 468378	Vũ Thị Nhiên	1965	Bản Tả Xin Chải 2, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40908953				
548	261	386	748	BC 466768	Vàng A Công anng	1953	Bản Tả Xin Chải 2, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40031565				
549	261	386	748	BC 466768	Vùi Thị Tào	1954	Bản Tả Xin Chải 2, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu					
567	267	103	119	BC 467178	Lù Văn Công ano	1984	Bản Tả Xin Chải 1, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45068976				
673	376	260	7462	BM 034605	Vàng Văn é	1941	Bản Tả Xin Chải 1, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40147955				
700	841	105	2205	BC 321308	Lù Thị Nỳ	1972	Bản Tả Xin Chải 2, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45104886				
702	841	14	3894	BQ 527843	Lò A Soóng	1962	Bản Tả Xin Chải 2, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40031492				
Thành Công												
74	58	126	2272	BC 466330	Trần Văn Cốc	1943	Bản Thành Công, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	60185142				
75	58	277	1524	BM 089028	Nguyễn Văn Sáu	1961	Bản Thành Công, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40147902				
76	58	106	2008	BC 467170	Trần Văn Đệ	1983	Bản Thành Công, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45073031				
457	234	79	93	BM 089050	Phạm Thị Thêm	1919	Bản Thành Công, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40031895				
458	234	29	11531	BC 466357	Trần Văn Thọ	1957	Bản Thành Công, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45025331				
459	234	25	3177	BQ 527929	Trần Lệ Chi	1989	Bản Thành Công, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45038807				
460	234	96	15387	BC 466267	Nguyễn Thị Đường	1944	Bản Thành Công, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40031872				
461	235	146	3704	BC 466333	Nguyễn Văn Chiều	1973	Bản Thành Công, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45046438				

462	235	144	5206	BM 089020	Nguyễn Thị Hoan	1968	Bản Thành Công, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45156604				
463	235	9	5231	BC 467128	Nguyễn Thị Hằng	1986	Bản Thành Công, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu					
464	235	125	1320	BM 089051	Hoàng Thành Giang	1964	Bản Thành Công, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu					
465	235	71	8086	BC 467132	Phạm Thị Báu	1956	Bản Thành Công, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu					
466	235	139	3321	BC 466309	Nguyễn Thị Kim Thoa	1979	Bản Thành Công, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40270062				
469	236	345	1049	BM 034629	Nguyễn Đức Nguyên	1920	Bản Thành Công, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40147842				
470	236	180	1886	BC 466338	Vũ Văn Dỹ	1934	Bản Thành Công, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40147833				
471	236	180	1886	BC 466338	Nguyễn Thị Tia	1940	Bản Thành Công, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40031941				
476	239	197	7831	BC 467127	Nguyễn Xuân Trọng	1989	Bản Thành Công, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45032337				
633	296	39	1566	BQ 527928	Vũ Bường	1953	Bản Thành Công, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45136064				
634	296	39	1566	BQ 527928	Vũ Thị Xím	1953	Bản Thành Công, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	161113045				
658	372	109	11203	BC 467123	Nguyễn Văn Tịnh	1971	Bản Thành Công, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45122279				
668	374	42	20517	BC 466384	Nguyễn Văn Sanh	1955	Bản Thành Công, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45068676				
674	376	58	7777	BC 466341	Lương Văn Mớ	1950	Bản Thành Công, xã San Thàng, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40031344				
Phường Tân Phong chung												
10	18	674	1667	CL 474521	Vũ Thu Huyền	1980	Phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45101026				
14	22	15	1647	AD 415881	Phan Văn Hải	1964	Phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	90440535				
31	38	3	1262	BT 009365	Hồ Thị Nhung	1968	Phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu					
38	46	31	1055	BL 117219	Nguyễn Xuân Trụ	1939	Phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40217816				
39	46	31	1055	BL 117219	Nguyễn Xuân Thụ	1939	Phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40217816				
62	54	19	1060	BD 659583	Vũ Thành Trung	1983	Phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40288761				

63	54	68	1317	AD 415897	Nguyễn Thị Mận	1958	Phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, Tỉnh Lai Châu	40328070				
72	55	105	1020	BQ 185905	Trần Thị Thanh	1935	Phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40146738				
77	59	69	1409	BĐ 659661	Lê Thị Quỳnh Chang	1987	Phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu					
83	60	18	1051	BĐ 663283	Trần Thị Thu Hương	1985	Phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40328305				
84	60	13	1035	BĐ 663280	Trần Văn Nguyệt	1933	Phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40031325				
91	62	57	2228	BQ 185920	Đỗ Công Tụy	1941	Phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45122631				
101	63	150	2548	BQ 185939	Đồng Thị Ngân	1986	Phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40275179				
107	63	163	2554	BQ 185943	Luyện Thị Doan	1964	Phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45832166				
109	63	168	2110	BQ 327432	Phạm Thị Xuyên	1945	Phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45832881				
116	64	29	1294	BQ 185977	Đỗ Thị Lan	1958	Phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40026121				
126	64	257	3743	AA 000000	aaaaaa	1990	Phường Đông Phong, Thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	1234890				
149	69	107	1437	BL 117494	Đoàn Ngọc Dương	1965	Phường Tân Phong, thị xã Lai Châu	45049542				
150	69	2	1050	AO 836757	Đồng Thị Ty	1968	Phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu					
163	74	74	1043	AN 275188	Lương Xuân Hoà	1950	Phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45040940				
167	79	65	1059	BĐ 659606	Nguyễn Thị Nga	1969	Phường Tân Phong, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40205885				
168	79	83	1042	BĐ 663045	Vũ Xuân Thanh	1968	Phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu					
172	79	24	1053	BL 266341	Bùi Văn Huân	1972	Phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40370361				
173	79	122	1043	BĐ 663130	Trang Văn Tân	1970	Phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45197026				
175	80	23	1047	BĐ 659625	Nguyễn Thị Tý	1948	Phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40217686				
178	83	93	1168	BX 792916	Ngô Thị Phương		Phường Tân Phong, Thành phố Lai Châu, Lai Châu	45189870				
182	86	48	1487	AD 361666	Nguyễn Thị Duyên	1969	Ngân Hàng Đầu Tư và Phát Triển Lai Châu					

183	86	42	1062	BĐ 663146	Nguyễn Thị Thuý Hằng	1966	Phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40272131				
184	87	117	1054	AD 361640	Lương Thế Hiền	1983	Văn phòng cảnh sát điều tra, công an tỉnh Lai Châu	164154977				
190	87	91	1050	AD 361716	Hoàng Văn Mạnh	1954	Bộ chỉ huy quân sự tỉnh	40300774				
191	87	135	1045	AM 204085	Nguyễn Thị Sâm	1963	Phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40184556				
192	87	135	1045	AM 204085	Phạm Văn Ngọc	1961	Phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40282988				
193	87	67	1042	BĐ 663221	Bùi Trọng Lợi	1964	Phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu					
194	88	30	1057	BĐ 663268	Trần Trung Cơ	1958	Phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45128712				
195	88	60	1000	BL 117916	Vũ Thị Duyên	1975	phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45104661				
197	89	115	1049	AN 308084	Mai Thị Hồng Sim	1980	Khu tập thể Bộ đội Biên Phòng tỉnh, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40270186				
198	89	90	1050	AN 273040	Khoàng Thị Thanh Nga	1976	Phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	50766098				
199	89	90	1050	AN 273040	Phùng Thế Long	1973	Phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40197644				
205	89	129	1050	AN 308060	Nguyễn Tất Hậu	1964	Phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	141346064				
212	91	6	1053	BD 587585	Trần Sâm	1963	Phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40191858				
217	93	28	1051	AN 308043	Nguyễn Tiến Ngọc	1966	Phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu					
218	93	38	1049	AN 308020	Lường Thị Luyện	1978	Phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40269965				
219	94	90	1559	BT 009487	Nguyễn Thị Hòa	1970	Phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	13228619				
235	96	61	1468	BL 266256	Hoàng Thị Hồng Xiêm	1980	Phường Đông Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45137660				
240	97	14	1053	AO 836750	Dương Thị Ninh	1968	Phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	151897041				
244	104	26	1000	BT 049335	Nguyễn Văn Tuất	1958	Phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45128958				
246	150	15	1050	BL 266643	Triệu Đình Quảng	1975	phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu					

254	157	22	1095	BĐ 659779	Nguyễn Thị Cúc	1958	Phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40143781				
255	157	50	1050	BT 073401	Hồ Văn Hải	1960	Phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45137830				
256	157	49	1050	BL 117837	Đỗ Xuân Phúc	1977	Phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45039977				
280	169	123	1055	BT 009096	Hồ Sỹ Hồ	1987	Phường Đông Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45159850				
296	172	92	1050	CA 634700	Kim Hải Dung	1988	Phường Đông Phong, thành phố Lai Châu, Tỉnh Lai Châu	135430253				
323	194	127	2535	BC 321425	Vùi Văn Pối	1978	Phường Đông Phong, Thành phố Lai Châu, Lai Châu					
340	197	139	1050	BD 590318	Bùi Hữu Hệ	1959	Phường Tân Phong, thị xã Lai Châu	45033909				
356	198	140	1051	BL 117270	Nguyễn Đức Thiêm	1948	Phường Đông Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu					
381	200	443	2659	BQ 276001	Lê Hải Anh	1983		45003362				
384	200	1	2000	BD 587547	Phạm Thị Nhung							
386	202	20	1050	BA 772476	Đỗ Thị Thu Hiền	1974	Phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	45085323				
396	210	21	3980	CM 591749	Nguyễn Thu Thảo	1988		45045149				
526	255	51	1050	CM 591618	Trương Minh Đức	1971	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Lai Châu	93021053				
543	260	517	6693	BC 467216	Thào Thị Tâu	1943		40147787				
638	360	36	1050	BA 772475	Nguyễn Thị Hồng Quyên							
678	378	69	17741	BM 089300	Lê Thị Thúy	1962	Phường Quyết Thắng, Thành phố Lai Châu, Lai Châu	45188170				
679	378	69	17741	BM 089300	Trần Văn Thuận	1959	Phường Quyết Thắng, Thành phố Lai Châu, Lai Châu	45073659				
697	500	33	1055	BX 752946	Nguyễn Đăng Khải	1966	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Lai Châu	88024386				
698	500	33	1055	BX 752946	Đỗ Thị Tuyết	1969	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Lai Châu	130943185				
705	1001	6	720	AN 308397	Đàm Duy Khương	1982	Phường Tân Phong, Thành phố Lai Châu, Lai Châu	151499411				
706	1002	1	1405	BA 778473	Lê Văn Quý	1982	phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu					
708	1932	1	1932	BA 778416	Nguyễn Xuân Mùa	1968	Phường Tân Phong, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	151163065				

709	1932	1	1932	BA 778416	Vũ Thị Mười	1972	Phường Tân Phong, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu	151015804				
710	x	31	1055	BL 117219	Vũ Thị Hương	1947	Phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	40024988				